TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày 29-10-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Đỗ Nhật Tân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Định - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 983/2025/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Minh T, sinh ngày 02/01/1983; Số căn cước công dân: 052083002800; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú sau sáp nhập: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Võ Thị Thu N, sinh ngày 29/11/1984; Số căn cước công dân: 052184009537; Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú sau sáp nhập: Thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh và chị Võ Thị Thu N quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh

Bình Định (sau sáp nhập là xã T, tỉnh Gia Lai). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì chị N ham chơi, đánh bài không lo cho gia đình, anh đã trả nợ nhiều lần nhưng chị N không thay đổi. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02/3/2003; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01/7/2004 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 19/3/2014, sức khoẻ bình thường, hiện đang ở cùng vợ chồng. Hiện nay cháu T1 và cháu B đã trưởng thành, không yêu cầu Toà giải quyết, riêng cháu M chưa thành niên anh yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chị Võ Thị Thu N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Toà án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với chị Võ Thị Thu N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N đang cư trú tại thôn A, xã T, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và

Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Toà án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng chị N vẫn vắng mặt không có lý do. Anh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[3] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Minh T và chị Võ Thị Thu N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa anh T, chị N là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu ly hôn với chị N vì anh chị không còn tình cảm. Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên anh T nộp đơn ly hôn, chị N không đến Toà và cũng không đưa ra ý kiến, giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng còn anh T kiên quyết xin ly hôn vì anh cho rằng vợ chồng thật sự không còn tình cảm, trách nhiệm sự tôn trọng lẫn nhau không có bất kỳ giải pháp nào kết nối. Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, anh T được ly hôn với chị N.

[4] Về quan hệ con chung: Anh T và chị N có 03 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2003; Nguyễn Thanh B, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2004 và Nguyễn Tấn M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2014. Cháu T1 và cháu B đã thành niên, sức khoẻ bình thường nên anh T không yêu cầu Toà án giải quyết; Riêng cháu Nguyễn Tấn M chưa thành niên, anh yêu cầu giao cháu M cho anh tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con đồng thời phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên. Cháu M đã trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu muốn được ở với cha. Từ trước đến nay cháu M được anh T chăm sóc, giáo dục tốt. Việc giao con cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là đáp ứng yêu cầu phát triển của cháu Nguyễn Tấn M nên áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đìnhcháu Nguyễn Tấn M cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Minh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Võ Thị Thu N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2014 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, nợ chung và tài sản chung không có yêu cầu nên không giải quyết là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho anh Nguyễn Minh T ly hôn chị Võ Thị Thu N.

2. Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn M, sinh ngày 19 tháng 3 năm 2014 cho anh Nguyễn Minh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay cháu M đang sống cùng anh T, chị N; Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003227 ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (sau sáp nhập là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Gia Lai).

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước Tây (Số 141/2005);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Hậu